

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q.HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HS-ST

Ngày 19-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thanh Trà

Ông Huỳnh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa:
Ông Lê Viết Sĩ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 126/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Tuấn L (Tên gọi khác: Không); sinh ngày: 02/5/1995 tại Quảng Nam; Nơi ĐKKHKT: Khố phố P, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; Chỗ ở: 55 P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Gia sư; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm: 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1967; Gia đình có 03 người con, bị cáo là con nhỏ nhất; tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Đinh Viết H, sinh ngày 05/6/2004. Địa chỉ: K121/20B H, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của Đinh Viết H:

Ông Đinh Viết K, sinh năm: 1968 (là cha) và bà Lê Thị P, sinh năm: 1968 (là mẹ). Địa chỉ: K121/20B H, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng, ông K vắng mặt, bà P có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Đinh Viết K, sinh năm: 1968. Địa chỉ: K121/20B H, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Cẩm C, sinh năm: 1985. Địa chỉ: 17 P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 1998. Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 18/6/2020, Trần Tuấn L đến nhà ông Đinh Viết K để dạy học cho con ông K là Đinh Viết H. Đến 9 giờ cùng ngày, L đi ngang phòng ngủ ở tầng 3 thì phát hiện điện thoại hiệu Iphone XS Max đang để trên sàn nhà. Nảy sinh ý định chiếm đoạt nên Linh ra nhiều bài tập để cho H chép, còn L lén lút vào phòng trộm cắp chiếc điện thoại rồi ra về. Sau đó, L đem điện thoại đến quán cà phê 17 P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng do chị Nguyễn Thị Cẩm C làm chủ sở hữu, L vào mạng internet tra cứu cách sử dụng điện thoại Iphone. Lúc này, H phát hiện bị mất điện thoại, gọi điện báo ông K, ông K nghi ngờ nên gọi điện thoại hỏi nhưng L không thừa nhận nên nói L đến nhà nói chuyện. L đem điện thoại gửi cho nhân viên quán cà phê là chị Nguyễn Thị Hồng N, hết giờ làm, chị N về nên giao điện thoại lại cho chị C.

Đến 13 giờ 50 phút cùng ngày, Công an phường P, mời đến làm việc thì L khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp trên và dẫn Cơ quan Công an đến quán cà phê thu giữ chiếc điện thoại.

****Vật chứng thu giữ:***

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XS Max 256GB, màu đen, số máy: MT6J2LLA, số seri: F2LXD40 RXPHG, số Imei: 357269091303628 do chị Nguyễn Thị Cẩm C giao nộp.

- 01 máy tính xách tay hiệu HP Pavilion, Model: 15-CS2120TX do Trần Tuấn L nộp.

Theo kết luận định giá tài sản số 120/KL-HĐĐG ngày 20/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS, UBND quận H, kết luận: Trị giá của chiếc điện thoại nêu trên là 10.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSHC ngày 28/12/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trần Tuấn L về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Tuấn L từ 06 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 24 tháng.

Tại phiên tòa, quá trình xét hỏi bị cáo Trần Tuấn L thừa nhận hành vi phạm tội như trong bản cáo trạng đã truy tố.

Người bị hại Đinh Viết H trình bày: H xác nhận lời khai của bị cáo Linh là đúng. Chiếc điện thoại là của ông Đinh Viết K (cha H) mua, ông K giao cho H sử dụng, tại thời điểm L lấy điện thoại thì H là người quản lý sử dụng. H đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì. Tại phiên tòa, H đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

Người đại diện hợp pháp của Đinh Viết H là bà Lê Thị P trình bày: Bà P xác nhận lời khai của H là đúng và thống nhất với ý kiến của H.

Bị cáo Trần Tuấn L nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi gia đình người bị hại mong HĐXX xem xét cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở để xác định: Vào khoảng 09 giờ ngày 18/6/2020, tại nhà số K121/20B đường H, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng, Trần Tuấn L có hành vi lén lút chiếm đoạt của Đinh Viết H 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max 256GB, trị giá 10.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Tuấn L đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Trần Tuấn L là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

[3] **Xét tính chất mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thì thấy:** Trần Tuấn L là người có sức khỏe lao động, là gia sư và có thu nhập nhưng vì ham muốn nhất thời có điện thoại để sử dụng cá nhân nhưng không phải bỏ tiền ra mua nên đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Trần Tuấn L đã lợi dụng sơ hở và sự tin tưởng của người bị hại vì L là gia sư của cháu Đinh Viết H nên khi đi ngang qua phòng thấy điện thoại để trong phòng không có người quản lý bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của cháu Đinh Viết H, bị cáo đã ra nhiều bài tập cho cháu H làm để thuận tiện cho việc lấy tài sản, mục đích

để sử dụng cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử bị cáo mức hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật.

Về các tình tiết tăng nặng: Không có.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên khi quyết định mức hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Xét thấy, Trần Tuấn L có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo này có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải xử cách ly ra khỏi xã hội bắt chấp hành hình phạt tù mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

[4] Đối với chị Nguyễn Thị Cẩm C và Nguyễn Thị Hồng N nhận giữ giúp điện thoại cho L nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên CQĐT không xử lý là có căn cứ.

[5] Về xử lý tang vật và trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, Công an đã thu hồi và trả lại cho người bị hại và gia đình 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max. Đinh Viết H và gia đình không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 01 máy tính xách tay hiệu HP thu giữ của Trần Tuấn L, không liên quan đến hành vi phạm tội của L, CQĐT đã trả lại cho Linh là có cơ sở.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Tuấn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt: Trần Tuấn L 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/01/2021).

Giao Trần Tuấn Linh về Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Tuấn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- CA quận Hải Châu;
- VKSND quận Hải Châu;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Thảo

